TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 -VL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23/7/2025
V/v "ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Hà Thanh Minh;

Ông Nguyễn Văn Bút.

- *Thư ký phiên tòa*: ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - VL.

Ngày 23 tháng 07 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 -VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 69/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 06 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lê Huỳnh L, sinh năm: 1985; CCCD: 083185016961; địa chỉ: 6 ấp C, xã P, huyện C, tỉnh BT (nay là ấp C, xã P, tỉnh VL). có mặt.

Bị đơn: ông Phạm Hoài P, sinh năm: 1981; ĐDCN: 083081013053; địa chỉ: 6 ấp C, xã P, huyện C, tỉnh BT (nay là xã P, tỉnh VL). vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2025 và tại phiên tòa hôm nay (bà L) trình bày: vào năm 2002 bà L với ông P quen biết rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Thời gian chung sống hạnh phúc được 10 năm đến tháng 01 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống mạnh ai nấy sống.

Hiện tại bà Lê N thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên bà Lê Huỳnh Lê yêu C Tòa án nhân dân huyện CL (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 -VL) giải quyết cho bà được ly hôn với chồng bà ông Phạm Hoài P và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

Về con chung: gồm có 02 người con chung tên Phạm Thúy L1, sinh ngày 18/6/2003 và Phạm Anh T, sinh ngày 21/06/2007. Hiện tại cả hai cháu đã trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe để tự nuôi sống bản thân, nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn (ông P) mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ:

[1] . Về tố tụng và quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét xử xét thấy, do mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà L có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông P nên đây là vụ kiện "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông P hiện đang cư trú tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh BT (nay là xã P, tỉnh VL) nên Tòa án nhân dân Khu vực 6 -VL thụ lý vụ án giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn ông P nhiều lần Tòa tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp hòa giải, công khai chứng cứ cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông P vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông là phù hợp.

[2]. Về nội dung: Xét thấy, hôn nhân của bà L với ông P là trên cơ sở tự nguyện, không có sự ép buộc. Ông, bà cũng đã đi đăng ký kết hôn theo đúng qui định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L cho rằng quan hệ hôn nhân của bà với ông P đã có sự phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được là có căn cứ. Bởi lẽ, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời ông P đến để tạo điều kiện hòa giải hàn gắn quan hệ hôn nhân của ông bà, nhưng ông P cố tình vắng mặt không lý do, chứng tỏ ông P không có thiện chí để hòa giải hàn gắn.

Mặc khác, bà Lê C1 cho rằng từ khi ông bà có mâu thuẫn thì ông P thường xuyên đi làm ăn xa, lâu lâu mới về thăm con chứ không hề có sự trao đổi hàn gắn, mà mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm ai, trong quá trình giải quyết án cũng như tại phiên tòa bà Lê V cương quyết ly hôn không chấp nhận rút đơn để hàng gắn. Điều đó cho thấy, hôn nhân của bà L với ông P đã có sự rạn nứt, không thể hàn gắn được nên yêu cầu xin ly hôn của bà L là có cơ sở để chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: theo đơn kiện bà L cho rằng bà với ông P có 02 người con chung tên Phạm Thúy L1, sinh ngày 18/6/2003 và Phạm Anh T, sinh ngày 21/06/2007, nhưng hiện tại cả hai đã trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe để tự nuôi sống bản thân nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Tài sản chung: bà Lê K yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: không có.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-BTVQH14 và điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: cho bà Lê Huỳnh Lê Đ ly hôn với ông Phạm Hoài P.

Ghi nhận việc bà Lê Huỳnh Lê K yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: gồm có 02 người con chung tên Phạm Thúy L1, sinh ngày 18/6/2003 và Phạm Anh T, sinh ngày 21/06/2007, nhưng hiện tại cả hai đã trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe để tự nuôi sống bản thân nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Nợ chung: không có.

- Về án phí: Buộc bà Lê Huỳnh L phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền bà Lê N1 tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0008913, ngày 06 tháng 03 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT được chuyển sang tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo: bà Lê Huỳnh Lê C2 quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Hoài P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

- Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo qui định của pháp luật.

- Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 6-VL;
- THADS tỉnh VL;
- Phòng GĐKT-TT&THAHS TAND tỉnh;
- UBND xã P;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

LÊ THỊ THÚY HẰNG